

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp
Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Quyết định số 3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Kinh doanh 4103002955 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 25 tháng 1 năm 2014. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Chủ tịch (từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên (đến ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên
Ông Võ Hiến	Thành viên
Ông Tê Trí Dũng	Thành viên
Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
Ông Lê Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Bình Minh	Tổng Giám đốc (từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Tổng Giám đốc (đến ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Bà Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15 tháng 3 năm 2014)
Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Việt Hòa	Trưởng ban (từ ngày 28 tháng 3 năm 2014)
Ông Lê Xuân Đức	Trưởng ban (đến ngày 28 tháng 3 năm 2014)
Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên (từ ngày 28 tháng 3 năm 2014)
Bà Nguyễn Phương Loan	Thành viên (đến ngày 28 tháng 3 năm 2014)
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên

Trụ sở đăng ký

68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán


Công ty TNHH KPMG
Việt Nam


Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 59 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Công ty") tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Nguyễn Bình Minh
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 8 năm 2014



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 8 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến 59. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.


Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

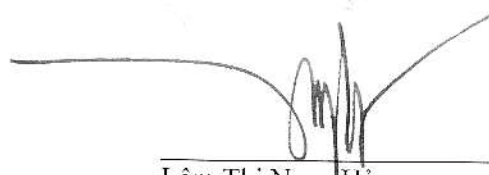
Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo soát xét số: 14-01-382




Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1



Lâm Thị Ngọc Hào
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0866-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 8 năm 2014

PP Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		80.612.486.561	187.523.929.721
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.481.713.765	24.515.494.949
Tiền	111		7.481.713.765	13.647.729.787
Các khoản tương đương tiền	112		-	10.867.765.162
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	42.210.739.136	42.673.301.361
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		59.690.156.000	61.954.136.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(17.479.416.864)	(19.280.834.639)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	26.737.160.813	117.799.354.716
Phải thu khách hàng	131		5.227.712.858	6.449.948.663
Trả trước cho người bán	132		7.616.806.549	85.799.625.113
Các khoản phải thu khác	135		13.892.641.406	25.549.780.940
Hàng tồn kho	140	8	56.608.971	43.813.382
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.126.263.876	2.491.965.313
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		686.933.692	386.504.617
Thuế phải thu Nhà nước	154		-	38.130.512
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.439.330.184	2.067.330.184

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

PP Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.270.032.636.291	1.294.785.898.150
Các khoản phải thu dài hạn	210	7	81.345.621.247	76.845.621.247
Phải thu dài hạn khác	218		81.345.621.247	76.845.621.247
Tài sản cố định	220		618.435.521.805	662.305.788.765
Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.171.911.258	2.344.961.306
<i>Nguyên giá</i>	222		11.230.510.606	9.950.639.888
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.058.599.348)	(7.605.678.582)
Tài sản cố định vô hình	227	10	42.853.825.848	43.174.479.684
<i>Nguyên giá</i>	228		47.084.099.490	47.084.099.490
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.230.273.642)	(3.909.619.806)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	572.409.784.699	616.786.347.775
Bất động sản đầu tư	240	12	175.840.245.693	179.039.700.824
<i>Nguyên giá</i>	241		225.388.783.099	225.388.783.099
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(49.548.537.406)	(46.349.082.275)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	390.707.135.978	372.800.675.746
Đầu tư vào công ty con	251		169.945.222.000	154.045.222.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		49.668.709.000	56.353.359.436
Đầu tư dài hạn khác	258		191.420.423.027	185.662.344.630
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(20.327.218.049)	(23.260.250.320)
Tài sản dài hạn khác	260		3.704.111.568	3.794.111.568
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.583.611.568	2.583.611.568
Tài sản dài hạn khác	268		1.120.500.000	1.210.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.350.645.122.852	1.482.309.827.871

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

PP Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		706.563.306.049	823.324.350.517
Nợ ngắn hạn	310		385.997.772.361	461.165.259.840
Vay ngắn hạn	311	14	27.076.251.154	60.427.675.248
Phải trả người bán	312		6.042.918.363	3.810.712.537
Người mua trả tiền trước	313	15	156.112.319.855	179.366.247.551
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	19.560.633.086	6.796.906.468
Phải trả người lao động	315		27.733.116.682	30.415.871.234
Chi phí phải trả	316	17	10.408.983.227	12.469.584.234
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	139.007.458.633	164.623.597.375
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	56.091.361	3.254.665.193
Nợ dài hạn	330		320.370.533.688	362.159.090.677
Phải trả dài hạn khác	333	20	117.525.193.052	115.427.465.521
Vay dài hạn	334	21	148.120.208.890	191.887.691.844
Doanh thu chưa thực hiện	338	22	54.725.131.746	54.843.933.312
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		644.276.816.803	658.985.477.354
Vốn chủ sở hữu	410	23	644.276.816.803	658.985.477.354
Vốn cổ phần	411	24	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	414	24	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư và phát triển	417		12.469.151.903	12.469.151.903
Quỹ dự phòng tài chính	418		12.469.151.903	12.469.151.903
Lợi nhuận chưa phân phối	420		53.008.399.052	67.717.059.603
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.350.645.122.852	1.482.309.827.871

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014	31/12/2013
Ngoại tệ trong tiền: USD	337	335

Ngày 6 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Tổng doanh thu	01	25	104.616.453.178	31.402.436.932
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	(46.720.180)	(40.954.000)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10	25	104.569.732.998	31.361.482.932
Giá vốn hàng bán	11	26	(70.683.908.666)	(15.475.614.687)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		33.885.824.332	15.885.868.245
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	17.300.407.535	15.200.397.456
Chi phí tài chính	22	28	(7.104.530.776)	(14.261.184.480)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(6.972.899.755)	(12.431.600.499)
Chi phí bán hàng	24		(299.376.646)	(291.908.368)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(11.554.301.285)	(13.283.856.057)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		32.228.023.160	3.249.316.796
Thu nhập khác	31	29	7.079.634.807	10.550.213.787
Chi phí khác	32	30	(16.760.223.403)	(819.560.387)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		(9.680.588.596)	9.730.653.400
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22.547.434.564	12.979.970.196
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	(6.792.525.872)	(1.714.919.852)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		15.754.908.692	11.265.050.344
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	631	451

Ngày 6 tháng 8 năm 2014

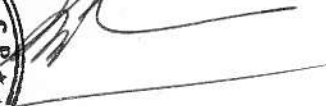
Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

PP Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		22.547.434.564	12.979.970.196
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		3.973.029.733	4.455.063.290
Các khoản dự phòng	03		(901.399.610)	1.596.964.960
Lỗi từ thanh lý đầu tư vào một công ty liên kết	05		805.800.017	-
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(12.116.219.009)	(6.670.439.694)
Lãi thuần từ kinh doanh chứng khoán	05		(106.625.000)	(23.655.000)
Lỗi từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	05		-	25.000.000
Chi phí lãi vay	06		6.972.899.755	12.431.600.499
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		21.174.920.450	24.794.504.251
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		81.568.743.352	38.865.196.626
Biến động hàng tồn kho	10		54.925.078.855	19.869.396
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(64.486.112.091)	38.874.330.098
Biến động chi phí trả trước	12		-	4.961.185
			93.182.630.566	102.558.861.556
Tiền lãi vay đã trả	13		(15.102.960.319)	(22.972.710.122)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.435.396.929)	(2.702.434.390)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	52.586.559
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.691.534.675)	(4.340.556.238)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		67.952.738.643	72.595.747.365

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

PP Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a- DN

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(12.881.755.159)	(20.957.689.996)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	23		-	25.000.000
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào chứng khoán	22		4.847.190.000	716.867.500
Tiền thu từ thanh lý đầu tư vào một công ty con và một công ty liên kết			11.140.500.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(23.373.885.550)	(2.446.145.543)
Tiền thu hồi từ đầu tư vào một công ty liên kết			174.199.983	-
Tiền thu từ cổ tức và lãi tiền gửi	27		12.746.470.997	6.210.644.001
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.347.279.729)	(16.451.324.038)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		101.923.069.929	24.933.959.424
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(179.041.976.977)	(82.400.168.916)
Tiền trả cổ tức	36		(520.333.050)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(77.639.240.098)	(57.466.209.492)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a- DN

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(17.033.781.184)	(1.321.786.165)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		24.515.494.949	4.455.549.627
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	5	7.481.713.765	3.133.763.462

Ngày 6 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc

PPCông ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: tổ chức hệ thống kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng của Toyota, Ford, GM, Suzuki, Hyundai, SYM, Yamaha; kinh doanh nữ trang, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ quán bar và nhà hàng;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự, khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có 88 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 96 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

PP Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(c) Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được lập như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường cho mục đích lập dự phòng là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng phù hợp với quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường cho mục đích lập dự phòng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng phù hợp với quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, cơ sở để lập dự phòng là báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế mà Công ty đầu tư phù hợp với quy định của Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

PP Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với bất động sản và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 6 – 42 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

PPCông ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 18 – 50 năm
- nhà cửa 5 – 36 năm

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

PPCông ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(I) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính riêng và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

PP Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Các tài sản tài chính khác trên bảng cân đối kế toán riêng được phân loại là các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính trên bảng cân đối kế toán riêng được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

PP Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi kỳ từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm chuyển nhượng.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

PPCông ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(iii) *Cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(p) *Doanh thu hoạt động tài chính*

(i) *Doanh thu từ tiền lãi*

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) *Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán*

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) *Doanh thu từ cổ tức*

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) *Các khoản thanh toán thuê hoạt động*

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) *Chi phí vay*

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

PP Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

PPCông ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****4. Báo cáo bộ phận**

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày:

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	30/6/2014	30/6/2013	30/6/2014	30/6/2013	30/6/2014	30/6/2013	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bộ phận	14.540.795.526	5.099.930.976	111.649.367.805	49.830.360.835	2.759.612.009	2.072.542.577	128.949.775.340	57.002.834.388
Chi phí trực tiếp của bộ phận	(7.590.975.893)	(7.217.787.758)	(97.941.644.975)	(34.276.335.224)	(869.719.908)	(1.859.394.610)	(106.402.340.776)	(43.353.517.592)
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh	6.949.819.633	(2.117.856.782)	13.707.722.830	15.554.025.611	1.889.892.101	213.147.967	22.547.434.564	13.649.316.796
Doanh thu không phân bổ							-	150.213.787
Chi phí không phân bổ							-	(819.560.387)
							<u>22.547.434.564</u>	<u>12.979.970.196</u>

PP Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản								
Tài sản ngắn hạn	16.066.751.178	114.590.147.612	21.541.120.516	106.504.588.817	43.004.614.867	43.274.814.539	80.612.486.561	264.369.550.968
Tài sản dài hạn	282.633.208.487	189.684.634.831	984.815.816.236	1.025.672.030.504	-	-	1.267.449.024.723	1.215.356.665.335
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	2.583.611.568	2.583.611.568
	298.699.959.665	304.274.782.443	1.006.356.936.752	1.132.176.619.321	43.004.614.867	43.274.814.539	1.350.645.122.852	1.482.309.827.871
Nợ phải trả								
Nợ ngắn hạn	100.088.076.190	26.641.813.665	271.141.253.187	406.692.103.944	14.768.442.984	27.831.342.231	385.997.772.361	461.165.259.840
Nợ dài hạn	143.303.658.586	74.879.699.567	168.682.946.788	287.279.391.110	8.383.928.314	-	320.370.533.688	362.159.090.677
	243.391.734.776	101.521.513.232	439.824.199.975	693.971.495.054	23.152.371.298	27.831.342.231	706.368.306.049	823.324.350.517
Cho kỳ sáu tháng kết thúc:								
	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Khấu hao và phân bổ	773.574.602	792.622.339	3.199.455.131	3.662.440.951	-	-	3.973.029.733	4.455.063.290
Các khoản dự phòng	-	-	-	-	(901.399.610)	1.596.964.960	(901.399.610)	1.596.964.960
Mua tài sản cố định	1.279.870.718	208.889.636	11.601.884.441	20.748.800.360	-	-	12.881.755.159	20.957.689.996

PPCông ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	1.002.397.507	642.550.099
Tiền gửi ngân hàng	6.479.316.258	13.005.179.688
Các khoản tương đương tiền	-	10.867.765.162
	<hr/>	<hr/>
	7.481.713.765	24.515.494.949
	<hr/>	<hr/>

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư ngắn hạn vào:		
• Cổ phiếu niêm yết	5.074.980.000	4.338.960.000
• Cổ phiếu chưa niêm yết	54.615.176.000	57.615.176.000
	<hr/>	<hr/>
	59.690.156.000	61.954.136.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(17.479.416.864)	(19.280.834.639)
	<hr/>	<hr/>
	42.210.739.136	42.673.301.361
	<hr/>	<hr/>

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản đầu tư vào các cổ phiếu sau:

	30/6/2014	
	Số lượng	VND
Công cụ vốn – đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu của:		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất Nhập khẩu 2	500.000	14.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh	1.350.000	13.500.000.000
- Công ty Cổ phần Việt Thái	650.760	8.042.676.000
- Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải	691.126	6.772.500.000
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000
- Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước	60.000	6.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bến Thành	182.129	3.289.960.000
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	74.390	1.785.020.000
	<hr/>	<hr/>
	3.688.405	59.690.156.000
	<hr/>	<hr/>

PPCông ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ	19.280.834.639	41.920.000.000
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(1.350.000.000)	-
Hoàn nhập	(451.417.775)	(200.812.500)
Số dư cuối kỳ	17.479.416.864	41.719.187.500

7. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Trong phải thu khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có 39 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.955 triệu VND) phải thu từ các bên liên quan.

Trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 3.324 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 85.580 triệu VND).

Trong các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có 88.452 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 95.441 triệu VND) phải thu từ các bên liên quan, chịu lãi suất dao động từ 7.5% đến 11% (2013: từ 8.5% đến 12%) một năm.

8. Hàng tồn kho

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vật tư	14.947.844	-
Hàng hóa	41.661.127	43.813.382
	56.608.971	43.813.382

PPCông ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	5.030.443.103	2.637.468.847	2.282.727.938	9.950.639.888
Tăng trong kỳ	-	-	1.279.870.718	1.279.870.718
Số dư cuối kỳ	5.030.443.103	2.637.468.847	3.562.598.656	11.230.510.606
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	3.508.952.501	2.060.468.815	2.036.257.266	7.605.678.582
Khấu hao trong kỳ	106.929.138	183.892.866	162.098.762	452.920.766
Số dư cuối kỳ	3.615.881.639	2.244.361.681	2.198.356.028	8.058.599.348
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	1.521.490.602	577.000.032	246.470.672	2.344.961.306
Số dư cuối kỳ	1.414.561.464	393.107.166	1.364.242.628	3.171.911.258

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 3.262 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.283 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 1.415 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.521 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

PPCông ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	14.634.054.300	32.014.175.190	435.870.000	47.084.099.490
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	3.473.749.806	435.870.000	3.909.619.806
Khấu hao trong kỳ	-	320.653.836	-	320.653.836
Số dư cuối kỳ	-	3.794.403.642	435.870.000	4.230.273.642
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	14.634.054.300	28.540.425.384	-	43.174.479.684
Số dư cuối kỳ	14.634.054.300	28.219.771.548	-	42.853.825.848

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 436 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 436 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 28.220 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 28.540 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

PPCông ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ	616.786.347.775	492.322.500.268
Tăng trong kỳ	17.772.089.215	22.227.906.955
Chuyển sang hàng tồn kho	(54.937.874.444)	(1.534.142.737)
Chuyển sang đầu tư vốn dài hạn vào công ty con (*)	(7.210.777.847)	-
Số dư cuối kỳ	572.409.784.699	513.016.264.486

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự án Quốc lộ 13	204.962.358.902	204.944.001.629
Dự án Tam Bình – Hiệp Bình Phước	154.644.068.965	155.155.893.142
Dự án Nam Cẩm Lệ, Đà Nẵng	72.534.178.668	77.229.210.858
Dự án Mecure Sơn Trà, Đà Nẵng	82.033.116.171	75.632.214.523
Dự án CN4-3 Phú Mỹ Hưng	-	54.937.738.080
Dự án 104 Phố Quang	32.271.189.595	26.303.521.184
Dự án Cao ốc văn phòng 277 – 279 Lý Tự Trọng	14.981.095.175	11.673.685.260
Dự án 66 – 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	10.671.041.016	10.670.213.016
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	239.870.083	239.870.083
Khác	72.866.124	-
	572.409.784.699	616.786.347.775

(*) Khoản này thể hiện một phần vốn góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng dưới hình thức quyền sử dụng đất của 16 lô đất tại thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng góp vốn ngày 26 tháng 3 năm 2014.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 137.312 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 42.864 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 6.170 triệu VND (2013: 10.055 triệu VND).

PPCông ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****12. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	133.201.140.041	92.187.643.058	225.388.783.099
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	14.263.776.705	32.085.305.570	46.349.082.275
Khấu hao trong kỳ	1.684.118.538	1.515.336.593	3.199.455.131
Số dư cuối kỳ	15.947.895.243	33.600.642.163	49.548.537.406
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	118.937.363.336	60.102.337.488	179.039.700.824
Số dư cuối kỳ	117.253.244.798	58.587.000.895	175.840.245.693

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm các bất động sản và quyền sử dụng đất cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá là 12.746 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 11.702 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 101.959 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 103.228 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

PPCông ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đầu tư vốn dài hạn vào:		
• Các công ty con	169.945.222.000	154.045.222.000
• Các công ty liên kết	49.668.709.000	56.353.359.436
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	191.420.423.027	185.662.344.630
	<hr/>	<hr/>
	411.034.354.027	396.060.926.066
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(20.327.218.049)	(23.260.250.320)
	<hr/>	<hr/>
	390.707.135.978	372.800.675.746
	<hr/>	<hr/>

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư của Công ty vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh bất động sản với các pháp nhân riêng được thành lập.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	23.260.250.320	25.439.797.869
Tăng dự phòng trong kỳ	-	1.797.777.460
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(2.483.050.436)	-
Hoàn nhập	(449.981.835)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	20.327.218.049	27.237.575.329
	<hr/>	<hr/>

PP Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công ty con					
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 6 năm 2000, được điều chỉnh ngày 5 tháng 3 năm 2003, ngày 22 tháng 10 năm 2003, ngày 26 tháng 4 năm 2005, ngày 9 tháng 10 năm 2010 và ngày 22 tháng 7 năm 2013.	52,05%	33.312.000.000	33.312.000.000
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 14/GP-HN do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 1998.	51%	9.248.504.000	9.248.504.000
Công ty TNHH Đông Đô Thành	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003 và được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và ngày 5 tháng 12 năm 2011 và ngày 2 tháng 8 năm 2012.	55%	4.400.000.000	4.400.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309553786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2009 và được điều chỉnh ngày 2 tháng 2 năm 2010, ngày 24 tháng 9 năm 2012 và ngày 21 tháng 3 năm 2013.	51%	5.100.000.000	5.100.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5702001169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 11 tháng 8 năm 2006 và được điều chỉnh ngày 23 tháng 6 năm 2011.	63,64%	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 5 năm 2008.	55%	8.250.050.000	8.250.050.000
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô; cho thuê máy; dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 10 năm 2009 và ngày 6 tháng 10 năm 2010.	70%	56.000.000.000	56.000.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn (a)	Kinh doanh và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy, phụ tùng thay thế; kinh doanh thiết bị điện, vật liệu xây dựng; đại lý ký gửi; cung cấp dịch vụ cho thuê xe ô tô, vận chuyển.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 401337755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010 và được điều chỉnh ngày 10 tháng 12 năm 2012.		-	5.100.000.000
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 9 tháng 9 năm 2009 và ngày 4 tháng 5 năm 2012.	51%	25.309.668.000	25.309.668.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty TNHH Savico Vĩnh Long	Kinh doanh xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1500764333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 30 tháng 6 năm 2011 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 12 năm 2011 và ngày 6 tháng 12 năm 2012.	51%	2.295.000.000	2.295.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Savico-Mekong	Kinh doanh xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1801231071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 31 tháng 12 năm 2011 và được điều chỉnh ngày 13 tháng 1 năm 2012.	51%	1.530.000.000	1.530.000.000
Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng (b)	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, xe có động cơ khác và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ vận chuyển.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401581979 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 3 tháng 1 năm 2014.	70%	21.000.000.000	-
				<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
				169.945.222.000	154.045.222.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Siêu xe (c)	Chuyên cung cấp phụ tùng và phụ kiện trang trí nội thất xe ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008.		-	2.483.050.436
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu SYM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006.	37,33%	1.120.000.000	1.120.000.000
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD) (d)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và được điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007.		-	3.221.600.000
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	Giấy phép Đầu tư số 824/GP-HCM do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005.	40,19%	31.750.000.000	31.750.000.000
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003 và được điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005 và ngày 14 tháng 11 năm 2007.	35,16%	16.798.709.000	16.798.709.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	Kinh doanh, cung cấp dịch vụ tư vấn và đầu thầu bất động sản, quảng cáo.	Giấy phép Kinh doanh số 0309535441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 1 năm 2010.		-	980.000.000
				<hr/>	<hr/>
				49.668.709.000	56.353.359.436

- (a) Tại ngày 26 tháng 3 năm 2014, Công ty thanh lý một công ty con – Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn. Công ty ký một thỏa thuận chuyển nhượng vốn góp với Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng, một cổ đông khác trong công ty con, theo đó Công ty chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn cho Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng kể từ ngày 3 tháng 1 năm 2014. Không có khoản lãi hay lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý này.
- (b) Trong kỳ, Công ty góp 70% vốn của Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng và có quyền kiểm soát công ty này.
- (c) Trong kỳ, Công ty giải thể hai công ty liên kết – Công ty Cổ phần Siêu xe và Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội. Lỗ phát sinh do việc giải thể hai công ty này lần lượt là 2.483 triệu VND và 806 triệu VND.
- (d) Tại ngày 26 tháng 3 năm 2014, Công ty thanh lý một công ty liên kết – Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD). Công ty ký một thỏa thuận chuyển nhượng vốn góp với Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng, một cổ đông khác trong công ty liên kết, theo đó Công ty chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ cổ phiếu DANA FORD cho Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng kể từ ngày 3 tháng 1 năm 2014. Không có khoản lãi hay lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh của các công ty liên kết như sau:

	Tổng tài sản	Tổng nợ phải trả	Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế
	30/6/2014	30/6/2014	30/6/2014	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014
	VND	VND	VND	VND
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	93.818.423.428	15.593.966.292	78.224.457.136	(1.390.548.893)
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	325.955.383.665	189.266.935.335	136.688.448.330	15.476.112.938
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	2.027.821.411	172.572.918	1.855.248.493	(2.346.236.484)
	Tổng tài sản	Tổng nợ phải trả	Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế
	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013
	VND	VND	VND	VND
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	107.635.623.993	28.020.617.964	79.615.006.029	(1.998.253.803)
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	36.553.255.155	21.553.255.155	15.000.000.000	3.831.996.116
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	320.222.705.827	191.599.323.831	128.623.381.996	8.817.919.181
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	2.427.463.949	918.301	2.426.545.648	130.292.047
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	8.698.408.609	4.496.923.632	4.201.484.977	(307.746.094)
Công ty Cổ phần Siêu xe	254.356.952	421.025.621	(166.668.669)	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

14. Vay ngắn hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	12.083.182.154	37.855.666.420
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21)	14.993.069.000	22.572.008.828
	<hr/>	<hr/>
	27.076.251.154	60.427.675.248
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Vay ngắn hạn được đảm bảo bằng bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 34.492 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ lần lượt là 38 triệu VND và 44.661 triệu VND).

Các khoản vay này chịu lãi suất dao động từ 7,5% to 9,5% (2013: 10,7%) một năm.

15. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước chủ yếu bao gồm các khoản ứng trước của khách hàng như sau cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong các dự án bất động sản:

Khách hàng	Dự án	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh	Dự án Tam Bình – Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	145.574.299.955	145.030.599.588
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Ấn Điền	Dự án Nam Sài Gòn, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	-	23.650.040.000
		<hr/>	<hr/>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.287.580.712	7.778.180
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.490.412.762	3.133.283.819
Thuế thu nhập cá nhân	1.316.072.227	766.798.749
Các khoản phải nộp khác	12.466.567.385	2.889.045.720
	<hr/>	<hr/>
	19.560.633.086	6.796.906.468
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****17. Chi phí phải trả**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay	1.655.085.215	3.614.941.005
Chi phí thuê	203.143.229	203.143.229
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	8.496.000.000	8.651.500.000
Các chi phí khác	54.754.783	-
	<hr/>	<hr/>
	10.408.983.227	12.469.584.234

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Cổ tức phải trả	30.123.184.425	672.909.075
Vay từ một bên liên quan (a)	48.424.427.972	53.946.829.194
Vay từ các bên thứ ba (b)	3.000.000.000	3.000.000.000
Trả hộ các bên liên quan	-	926.194.003
Phải trả một khách hàng	5.856.400.000	5.856.400.000
Ký quỹ ngắn hạn nhận được liên quan đến Dự án Tam Bình	48.712.742.800	42.442.208.800
Ký quỹ ngắn hạn nhận được từ một khách hàng liên quan đến Dự án Nam Sài Gòn	-	54.887.738.080
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.890.703.436	2.891.318.223
	<hr/>	<hr/>
	139.007.458.633	164.623.597.375

- a. Vay từ một bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm hai khoản với giá trị 24.000 triệu VND mỗi khoản, chịu lãi suất 7,34% (2013: lãi suất dao động từ 7,32% đến 12%) một năm, và 424 triệu VND là lãi của các khoản vay này. Các khoản này phải trả vào ngày 6 tháng 9 năm 2014 và 24 tháng 10 năm 2014.
- b. Vay từ các bên thứ ba tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 chịu lãi suất 7,5% (2013: lãi suất dao động từ 10,7% đến 13%) một năm và phải trả vào ngày 19 tháng 2 năm 2015.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.254.665.193	4.465.590.904
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	365.984.666	596.284.418
Sử dụng quỹ trong kỳ	(3.564.558.498)	(4.102.042.471)
Số dư cuối kỳ	56.091.361	959.832.851

20. Phải trả dài hạn khác

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ký quỹ dài hạn nhận được	12.925.779.850	11.625.812.994
Phải trả dài hạn khác	104.599.413.202	103.801.652.527
	117.525.193.052	115.427.465.521

Phải trả dài hạn khác, không chịu lãi, thể hiện số tiền nhận góp vốn của các đối tác tham gia vào các dự án bất động sản của Công ty theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự án Bình An	19.532.917.434	19.532.917.434
Dự án Quốc lộ 13	25.098.400.000	26.098.400.000
Dự án Cao ốc văn phòng 227-229 Lý Tự Trọng	45.418.976.300	43.621.215.625
Dự án 104 Phố Quang	14.549.119.468	14.549.119.468
	104.599.413.202	103.801.652.527

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****21. Vay dài hạn**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn	103.113.277.890	114.459.700.672
Trái phiếu dài hạn phát hành	60.000.000.000	100.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	163.113.277.890	214.459.700.672
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(14.993.069.000)	(22.572.008.828)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	148.120.208.890	191.887.691.844

Vay dài hạn được đảm bảo bằng các tài sản cố định hữu hình, xây dựng cơ bản dở dang và bất động sản đầu tư có giá trị ghi sổ lần lượt là 10 triệu VND, 94.448 triệu VND và 66.283 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: được đảm bảo bằng các khoản tương đương tiền và bất động sản đầu tư có giá trị ghi sổ lần lượt là 10.868 triệu VND và 57.306 triệu VND).

Các khoản vay dài hạn này chịu lãi suất dao động từ 11% đến 11,8% (2013: 12,7% đến 15%) một năm.

Trái phiếu dài hạn được phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (Maritime Bank) vào tháng 7 năm 2010 theo mệnh giá. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào tháng 7 năm 2015 và được hoàn trả theo mệnh giá. Trong tháng 1 năm 2014, Công ty ký một Hợp đồng Mua bán Trái phiếu với Maritime Bank để mua lại 40 trái phiếu với giá trị 40.000 triệu VND. Giao dịch này được hoàn tất trong tháng 1 năm 2014. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng các tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, xây dựng cơ bản dở dang và bất động sản đầu tư có giá trị ghi sổ lần lượt là 1.405 triệu VND, 28.220 triệu VND, 42.864 triệu VND và 1.184 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: được đảm bảo bằng các tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, xây dựng cơ bản dở dang và bất động sản đầu tư có giá trị ghi sổ lần lượt là 1.483 triệu VND, 28.540 triệu VND, 42.864 triệu VND và 1.261 triệu VND), và chịu lãi suất 12,7% (2013: 14,5%) một năm.

22. Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Doanh thu chưa thực hiện từ việc thuê đất của Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	53.883.333.310	54.493.333.312
Các doanh thu chưa thực hiện khác	841.798.436	350.600.000
	<hr/>	<hr/>
	54.725.131.746	54.843.933.312

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	12.469.151.903	12.469.151.903	63.437.841.258	654.706.259.009
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	11.265.050.344	11.265.050.344
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(596.284.418)	(596.284.418)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(24.975.507.000)	(24.975.507.000)
Thù lao và quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(238.513.767)	(238.513.767)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2013	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	12.469.151.903	12.469.151.903	48.892.586.417	640.161.004.168
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	24.274.473.186	24.274.473.186
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.097.283.555)	(4.097.283.555)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Thù lao và quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.352.716.445)	(1.352.716.445)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	12.469.151.903	12.469.151.903	67.717.059.603	658.985.477.354
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	15.754.908.692	15.754.908.692
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(365.984.666)	(365.984.666)
Cổ tức (Thuyết minh 34)	-	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(29.970.608.400)
Thù lao và quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(126.976.177)	(126.976.177)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	12.469.151.903	12.469.151.903	53.008.399.052	644.276.816.803

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Tổng doanh thu		
• Bán hàng	1.941.407.259	2.451.998.423
• Dịch vụ	4.754.431.881	4.625.046.611
• Cho thuê	21.519.066.866	23.238.917.136
• Chuyển nhượng bất động sản	76.401.547.172	1.086.474.762
	<hr/>	<hr/>
	104.616.453.178	31.402.436.932
Các khoản giảm trừ doanh thu	(46.720.180)	(40.954.000)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	104.569.732.998	31.361.482.932
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

26. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Hàng hóa đã bán	1.275.654.197	1.311.368.934
Dịch vụ đã cung cấp	11.270.924.894	8.967.662.065
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	3.199.455.131	3.662.440.951
Giá trị còn lại của bất động sản đã chuyển nhượng	54.937.874.444	1.534.142.737
	<hr/>	<hr/>
	70.683.908.666	15.475.614.687
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Cổ tức	11.878.206.000	6.611.308.620
Thu nhập lãi tiền gửi	237.403.854	59.131.074
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	192.359.155	23.655.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.688.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.973.750.526	8.506.302.762
	<hr/>	<hr/>
	17.300.407.535	15.200.397.456
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.972.899.755	12.431.600.499
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	85.125.000	-
Lỗ từ thanh lý đầu tư vào công ty liên kết	805.800.017	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	(901.399.610)	1.596.964.960
Chi phí kinh doanh chứng khoán	23.337.114	10.397.891
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	118.768.500	222.221.130
	<hr/>	<hr/>
	7.104.530.776	14.261.184.480
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

29. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Bồi thường từ một đối tác do hủy hợp đồng (*)	7.000.000.000	-
Hỗ trợ từ Vinaland Investments Limited trong thời gian xây dựng Dự án Savico-Vinaland	-	10.400.000.000
Thu nhập khác	79.634.807	150.213.787
	<hr/>	<hr/>
	7.079.634.807	10.550.213.787
	<hr/>	<hr/>

(*) Thu nhập này thể hiện khoản bồi thường nhận từ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh Hội (Khahomex) do hủy hợp đồng ngày 25 tháng 9 năm 2013 về việc mua căn hộ tại Dự án 56 Bến Vân Đồn. Khoản bồi thường này đã được đồng ý giữa hai bên theo thỏa thuận hủy hợp đồng ngày 9 tháng 1 năm 2014.

30. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Phạt chậm nộp thuế	16.559.298.905	797.193.215
Bồi thường trả cho một khách hàng do hủy hợp đồng	200.000.000	-
Các chi phí khác	924.498	22.367.172
	<hr/>	<hr/>
	16.760.223.403	819.560.387
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	6.034.452.043	1.714.919.852
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	758.073.829	-
	<hr/>	<hr/>
	6.792.525.872	1.714.919.852
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	22.547.434.564	12.979.970.196
	<hr/>	<hr/>
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	4.960.435.604	3.244.992.549
Thu nhập không chịu thuế	(2.613.205.320)	(1.652.827.155)
Chi phí không khấu trừ thuế	3.687.221.759	133.230.092
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(10.475.634)
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	758.073.829	-
	<hr/>	<hr/>
	6.792.525.872	1.714.919.852
	<hr/>	<hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế. Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 dựa trên lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được tính như sau:

(i) *Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông*

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	15.754.908.692	11.265.050.344

(ii) *Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành*

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2014
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ và cuối kỳ	24.975.507	24.975.507

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

33. Các công cụ tài chính

(a) *Quản lý rủi ro tài chính*

(i) *Tổng quan*

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	6.479.316.258	23.872.944.850
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn	(iii)	100.465.975.511	108.845.350.850
		<hr/>	<hr/>
		106.945.291.769	132.718.295.700
		<hr/>	<hr/>

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(iii) Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục giao dịch. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn – chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn – tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong hạn	100.399.115.511	108.113.044.977
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	-	732.305.873
Quá hạn trên 180 ngày	66.860.000	-
	<hr/>	<hr/>
	100.465.975.511	108.845.350.850
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Không có khoản phải thu nào bị giảm giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Vay ngắn hạn	27.076.251.154	28.123.648.871	28.123.648.871	-	-	-
Phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác	145.050.376.996	146.097.000.329	146.097.000.329	-	-	-
Phải trả người lao động	27.733.116.682	27.733.116.682	27.733.116.682	-	-	-
Chi phí phải trả	10.408.983.227	10.408.983.227	10.408.983.227	-	-	-
Trái phiếu dài hạn phát hành	60.000.000.000	68.022.166.666	7.725.833.333	60.296.333.333	-	-
Vay dài hạn	88.120.208.890	109.724.386.334	27.448.627.908	29.832.701.897	52.443.056.529	-
Phải trả dài hạn khác	117.525.193.052	117.525.193.052	59.180.436.902	12.925.779.850	-	45.418.976.300
	475.914.130.001	507.634.495.161	306.717.647.252	103.054.815.080	52.443.056.529	45.418.976.300

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****Ngày 31 tháng 12 năm 2013**

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Vay ngắn hạn	60.427.675.248	62.756.770.274	62.756.770.274	-	-	-
Phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác	168.434.309.912	171.445.039.912	171.445.039.912	-	-	-
Phải trả người lao động	30.415.871.234	30.415.871.234	30.415.871.234	-	-	-
Chi phí phải trả	12.469.584.234	12.469.584.234	12.469.584.234	-	-	-
Trái phiếu dài hạn phát hành	100.000.000.000	119.133.333.333	12.470.833.333	106.662.500.000	-	-
Vay dài hạn	91.887.691.844	125.324.671.882	33.190.913.223	31.119.319.926	45.855.477.461	15.158.961.272
Phải trả dài hạn khác	115.427.465.521	115.427.465.521	60.180.436.902	11.625.812.994	-	43.621.215.625
	579.062.597.993	636.972.736.390	382.929.449.112	149.407.632.920	45.855.477.461	58.780.176.897

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch đầu tư bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng rủi ro hối đoái như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
Tiền	337	335
Phải trả dài hạn khác	(223.800)	(341.300)
	<hr/>	<hr/>
	(223.463)	(340.965)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
1 USD	21.300	21.085
	<hr/>	<hr/>

Tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, là không đáng kể.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	-	10.867.765.162
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	(5.000.000.000)
Vay dài hạn	(88.120.208.890)	(91.887.691.844)
	<hr/>	<hr/>
	(88.120.208.890)	(86.019.926.682)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	6.479.316.258	13.005.179.688
Vay ngắn hạn	(27.076.251.154)	(60.427.675.248)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	(51.000.000.000)	(51.000.000.000)
Trái phiếu dài hạn phát hành	(60.000.000.000)	(100.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	(131.596.934.896)	(198.422.495.560)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lợi nhuận thuần của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 giảm đi 513 triệu VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 747 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

		30/6/2014	31/12/2013
		Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
		VND	VND
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:			
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	(**)	42.210.739.136	42.673.301.361
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(**)	390.707.135.978	372.800.675.746
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	(*)	7.481.713.765	24.515.494.949
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn	(**)	100.465.975.511	108.845.350.850
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:			
Vay ngắn hạn	(**)	(27.076.251.154)	(60.427.675.248)
Phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác	(**)	(145.050.376.996)	(168.434.309.912)
Phải trả người lao động	(**)	(27.733.116.682)	(30.415.871.234)
Chi phí phải trả	(**)	(10.408.983.227)	(12.469.584.234)
Trái phiếu dài hạn phát hành	(**)	(60.000.000.000)	(100.000.000.000)
Vay dài hạn	(**)	(88.120.208.890)	(91.887.691.844)
Phải trả dài hạn khác	(**)	(117.525.193.052)	(115.427.465.521)
		64.951.434.389	(30.227.775.087)
		64.951.434.389	(30.227.775.087)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và 2014, giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền bằng giá trị ghi sổ.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

34. Cổ tức

Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 28 tháng 3 năm 2014 đã quyết định chia cổ tức của năm 2013 là 29.971 triệu VND, bằng 12% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Thành viên Hội đồng Quản trị	1.337.680.000	1.284.500.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	308.690.000	381.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát	287.290.000	149.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.933.660.000	1.814.500.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Công ty Cổ phần Ô tô Thành Phố (HYUNDAI)	Công ty con	Tiền thuê thu từ công ty con	4.035.500	1.005.088.000
		Doanh thu tài chính khác	129.312.785	109.905.555
		Vay từ công ty con	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Công ty con	Cổ tức	412.502.500	412.502.500
		Tiền thuê thu từ công ty con	253.560.000	279.635.635
		Hoa hồng nhận từ công ty con	558.537.500	800.180.294
		Mua hàng hóa từ công ty con	4.825.618.175	5.621.010.897
		Vay từ công ty con	-	1.000.000.000
		Cho công ty con vay	2.000.000.000	-
		Mua thiết bị từ công ty con	630.000.000	-
		Trả trước cho công ty con để mua xe tải	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Công ty con	Tiền thuê thu từ công ty con	2.439.840.000	1.552.800.000
		Cổ tức	-	1.998.667.920
		Chi phí tài chính khác	1.708.080.000	1.708.080.000
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Công ty con	Tiền thuê thu từ công ty con	610.000.002	610.000.002
		Cổ tức	3.265.530.000	-
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con	Cho công ty con vay	4.500.000.000	11.000.000.000
		Doanh thu tài chính khác	4.412.527.778	4.617.000.000
Công ty TNHH Đông Đô Thành	Công ty con	Cho công ty con vay	3.000.000.000	-
		Doanh thu tài chính khác	225.926.213	-
Công ty TNHH Savico Vĩnh Long	Công ty con	Cho công ty con vay	-	600.000.000
		Doanh thu tài chính khác	57.477.778	66.262.778

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014	30/6/2013
			VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Savico-Mekong	Công ty con	Cho công ty con vay	500.000.000	-
		Doanh thu tài chính khác	139.767.361	287.507.223
Công ty Toyota Giải Phóng Liên Doanh (TGP)	Công ty con	Cổ tức	2.043.570.000	-
Công ty TNHH Savico Đà Nẵng	Công ty con	Tiền thuê thu từ công ty con	1.400.000.000	-
		Ký quỹ cho thuê nhận từ công ty con	460.000.000	-
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Công ty liên kết	Cổ tức	1.028.542.500	2.057.085.000
		Vay từ công ty liên kết	-	5.000.000.000
		Chi phí tài chính khác	12.750.000	315.381.944
		Cho công ty liên kết vay	10.000.000.000	-
		Mua tài sản cố định	1.129.090.909	-
ComfortDelgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Tiền thuê thu từ công ty liên kết	1.051.800.000	1.051.800.000
		Chi phí tiền điện thu từ công ty liên kết	389.392.491	173.738.595
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	Công ty liên kết	Hoa hồng nhận từ công ty liên kết	464.528.000	708.211.445
		Cổ tức	-	168.000.000
		Mua thiết bị	260.000.000	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

36. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.485.138.360	5.677.937.593
Từ hai đến năm năm	4.026.553.440	5.186.053.440
Trên năm năm	3.103.801.610	3.607.120.790
	<hr/>	<hr/>
	11.615.493.410	14.471.111.823
	<hr/>	<hr/>

37. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết phát sinh sau khi kết thúc kỳ

Hội đồng Quản trị của Công ty họp ngày 18 tháng 6 năm 2014 đã quyết định mua 27,5% vốn góp vào Công ty Cổ phần Dịch Vụ Ô tô Thành phố mới Bình Dương với số tiền là 8.250 triệu VND. Công ty này được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702287077 ngày 16 tháng 7 năm 2014 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

38. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Chi phí mua bất động sản để chuyển nhượng	54.937.874.444	1.534.142.737
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	1.275.654.197	1.311.368.934
Chi phí nhân công và nhân viên	6.981.889.093	8.201.283.111
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.973.029.733	4.455.063.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.731.401.030	9.841.575.492
Các chi phí khác	6.637.738.100	5.242.088.285

Ngày 6 tháng 8 năm 2014

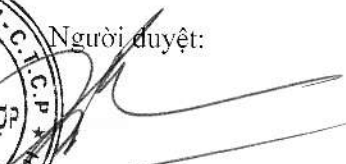
Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc